

**CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN
HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh,
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Ngọc Vui	Chủ tịch	
Ông Đặng Ngọc Cương	Thành viên	
Ông Trần Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Long	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/4/2017)
Ông Vũ Thành Đạt	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 14/11/2017)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Võ Đức Hiếu	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 26/4/2017)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 08/12/2017)
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên	
Ông Đinh Hồng Sơn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 14/11/2017)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	
Bà Vương Thị Phúc Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 20/4/2017)
	kiêm Kế toán trưởng	(Miễn nhiệm ngày 31/3/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *h*



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

1789-C
ÔNG T
TNHH
ĐÁN & T
VIỆT
-HI NHẢ
HÀ NỘI
IẤY - T

Số: 07/2018/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thành Lâm
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2018-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Lê Văn Hoài
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0023-2018-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		244.586.196.429	176.294.710.187
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	86.799.342.379	92.008.370.799
1. Tiền	111		53.799.342.379	42.405.398.460
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	49.602.972.339
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		142.480.020.974	73.455.108.839
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	61.166.196.998	53.738.123.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	82.367.700.000	20.166.672.127
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		149.808.929	753.998.339
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
III. Hàng tồn kho	140	4.5	9.890.060.734	10.498.867.247
1. Hàng tồn kho	141		9.890.060.734	10.498.867.247
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.416.772.342	332.363.302
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	5.416.772.342	332.363.302
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.355.467.072	56.091.631.743
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.068.340.000	1.891.600.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.068.340.000	1.891.600.000
II. Tài sản cố định	220		47.647.318.292	30.482.407.545
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	45.313.173.819	30.290.852.523
Nguyên giá	222		157.778.595.658	129.960.038.537
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.465.421.839)	(99.669.186.014)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	2.334.144.473	191.555.022
Nguyên giá	228		5.145.421.818	2.852.240.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.811.277.345)	(2.660.684.978)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		161.395.322.416	23.371.506.654
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	161.395.322.416	23.371.506.654
IV. Tài sản dài hạn khác	260		244.486.364	346.117.544
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		244.486.364	346.117.544
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		455.941.663.501	232.386.341.930

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		217.313.732.207	67.994.020.304
I. Nợ ngắn hạn	310		82.691.782.521	67.994.020.304
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	37.429.487.373	25.955.279.932
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	8.771.531.535	4.817.794.054
3. Phải trả người lao động	314		22.839.315.784	25.932.508.151
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		211.439.589	480.803.162
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		522.444.737	109.946.802
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.11	12.917.563.503	10.697.688.203
II. Nợ dài hạn	330		134.621.949.686	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	134.621.949.686	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		238.627.931.294	164.392.321.626
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	238.627.931.294	164.392.321.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.490.980.000	119.803.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.490.980.000	119.803.340.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(8.880.000)	(8.880.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.145.831.294	44.597.861.626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.619.523.626	7.976.611.147
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.526.307.668	36.621.250.479
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		455.941.663.501	232.386.341.930



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Võ Đức Hiếu
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	630.152.543.725	545.993.126.408
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	15.867.734.373	13.011.741.049
3. Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	10		614.284.809.352	532.981.385.359
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	479.536.098.548	425.853.071.147
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và dịch vụ	20		134.748.710.804	107.128.314.212
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	1.646.261.447	2.851.618.299
7. Chi phí tài chính	22		319.118.487	210.061.477
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	7.240.204.153	6.104.215.489
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	23.532.267.224	19.384.096.574
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		105.303.382.387	84.281.558.971
11. Thu nhập khác	31		412.111.201	374.042.805
12. Chi phí khác	32		564.923.620	-
13. Lợi nhuận khác	40		(152.812.419)	374.042.805
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		105.150.569.968	84.655.601.776
15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	22.055.903.670	17.023.922.355
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		83.094.666.298	67.631.679.421
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.4	4.589	4.057
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.13.4	4.589	4.057



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Võ Đức Hiếu
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.7	105.150.569.968	84.655.601.776
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.8	13.788.062.417	9.974.882.808
- (Lãi)/lỗ CLTGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		13.228.545	(189.976.928)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.084.887.091)	(1.686.360.838)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		117.866.973.839	92.754.146.818
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(18.002.240.152)	11.541.342.900
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		608.806.513	(1.834.713.096)
- Tăng các khoản phải trả	11		3.018.570.827	2.174.809.042
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		101.631.180	(211.076.407)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.7	(17.895.798.580)	(20.086.142.059)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.429.591.330)	(4.259.762.614)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		79.268.352.297	80.078.604.584
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(219.931.183.017)	(40.241.416.100)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác	22		152.727.272	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		891.854.972	1.951.676.796
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(218.886.600.773)	(38.289.739.304)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31	4.13	59.687.640.000	39.803.590.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.12	134.621.949.686	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13	(59.897.230.000)	(62.573.899.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		134.412.359.686	(22.770.309.800)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(5.205.888.790)	19.018.555.480
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	92.008.370.799	72.983.871.210
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.139.630)	5.944.109
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	86.799.342.379	92.008.370.799



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Võ Đức Hiếu
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2004 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004824 ngày 07/7/2004 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần 19 ngày 12/5/2017.

Ngày 16/6/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD. Theo đó, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã Chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 16/6/2010 với tên chứng khoán là Cổ phiếu Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, mã chứng khoán NCS.

Ngày 12/11/2015, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là NCS theo Quyết định số 749/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất là 119.803.340.000 VND, chia thành 119.803.340.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP chiếm 60,1% vốn điều lệ và các cổ đông khác nắm giữ 39,9% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính tại sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 665 người (tại ngày 31/12/2016 là 663 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến suất ăn phục vụ: Hành khách của hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- Dịch vụ ăn uống khác: Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không. Cung cấp dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn và bán buôn đồ uống không có cồn;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp để chế biến suất ăn; và
- Sản xuất các loại bánh từ bột.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 Hàng tồn kho (tiếp)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Năm 2017 (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08
Máy móc, thiết bị	03-07
Phương tiện vận tải	03-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.9 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.11 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo, chăm sóc khách hàng, phí nhượng quyền khai thác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, chi phí trang phục của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...) và các chi phí bằng tiền khác.

3.12 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

789-
NG T
NH
IN & T
IẾT
NHÀ
NỘI
Y - T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Ngoại tệ (tiếp)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2017, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 Thuế (tiếp)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

▪ Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc tế	0%
▪ Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc nội	10%
▪ Các dịch vụ khác	10%

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	73.071.500	184.680.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.726.270.879	42.220.717.960
Các khoản tương đương tiền (i)	33.000.000.000	49.602.972.339
Cộng	86.799.342.379	92.008.370.799

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại một số ngân hàng mà Công ty đang giao dịch.

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu từ các bên liên quan	21.035.019.236	18.466.621.795
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	20.381.880.684	17.275.228.303
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific	375.935.318	514.308.611
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	-	474.650.000
Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	277.203.234	202.434.881
Các khoản phải thu bên thứ ba	40.131.177.762	35.271.501.531
Korean Air	7.506.371.313	3.855.035.539
Asiana Airlines	5.026.272.836	4.027.232.010
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	8.079.780.454	4.477.820.041
Nippon Airways	1.967.102.137	4.357.783.472
Aeroflot Russian Intl Airlines - SU	3.881.642.591	3.186.685.616
Emirates- EK	3.133.333.614	4.532.894.966
Các khách hàng khác	10.536.674.817	10.834.049.887
Cộng	61.166.196.998	53.738.123.326

4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho bên thứ ba	82.367.700.000	20.166.672.127
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	-	15.076.600.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hà Thành	12.462.000.000	-
Công ty CP Quốc tế Bảo Thạch	31.880.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp lạnh Hưng Trí	13.720.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	24.305.700.000	5.090.072.127
Cộng	82.367.700.000	20.166.672.127

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.203.684.953	1.203.684.953
Cộng	1.203.684.953	1.203.684.953

Đây là khoản phải thu đã quá hạn 4 năm, Ban Giám đốc đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4.5 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.469.472.950	9.398.612.039
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.420.587.784	1.100.255.208
Cộng	9.890.060.734	10.498.867.247



CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.6 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	23.840.219.027	32.468.862.687	42.230.859.954	31.420.096.869	129.960.038.537
Mua sắm	-	1.706.901.818	25.358.992.028	1.593.897.500	28.659.791.346
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(841.234.225)	-	(841.234.225)
Tại ngày 31/12/2017	23.840.219.027	34.175.764.505	66.748.617.757	33.013.994.369	157.778.595.658
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	18.808.939.211	22.544.884.665	30.236.313.827	28.079.048.311	99.669.186.014
Khấu hao	4.025.023.853	3.077.505.246	4.953.874.968	1.581.065.983	13.637.470.050
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(841.234.225)	-	(841.234.225)
Tại ngày 31/12/2017	22.833.963.064	25.622.389.911	34.348.954.570	29.660.114.294	112.465.421.839
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	5.031.279.816	9.923.978.022	11.994.546.127	3.341.048.558	30.290.852.523
Tại ngày 31/12/2017	1.006.255.963	8.553.374.594	32.399.663.187	3.353.880.075	45.313.173.819

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 67.906.941.605 VND (tại ngày 31/12/2016 là 64.159.792.328 VND).

Trong năm 2017, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của tài sản “Nhà điều hành và Công trình phụ trợ” từ 96 tháng xuống 64 tháng để phù hợp với kế hoạch di chuyển sang cơ sở mới của Công ty, theo đó chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm 2017 tăng lên khoảng 2,8 tỷ VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.7 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	2.852.240.000	2.852.240.000
Mua sắm	2.293.181.818	2.293.181.818
Tại ngày 31/12/2017	5.145.421.818	5.145.421.818
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	2.660.684.978	2.660.684.978
Khấu hao	150.592.367	150.592.367
Tại ngày 31/12/2017	2.811.277.345	2.811.277.345
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	191.555.022	191.555.022
Tại ngày 31/12/2017	2.334.144.473	2.334.144.473

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.418.260.000 VND (tại ngày 31/12/2016 là 214.630.000 VND).

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đây là dự án đầu tư xây dựng "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" đã được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Quyết định số 03/QĐ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2016. Theo đó, Công ty sẽ làm chủ đầu tư và dự án có tổng mức đầu tư là 685.541.927.000 VND được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu và vốn huy động khác, trong đó chia làm hai giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 477.349.160.000 VND; và
- Giai đoạn 2 (đến năm 2035): 208.192.767.000 VND.

Đến ngày 31/12/2017, dự án cơ bản đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng và bắt đầu triển khai các hạng mục liên quan. Tập hợp chi phí dự án "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài" như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Dự án "Cơ sở chế biến suất ăn HK Nội Bài"	161.395.322.416	23.371.506.654
Lập dự án đầu tư xây dựng	7.209.866.696	3.912.593.969
Giải phóng mặt bằng, giao và nhận đất	13.956.582.318	11.064.397.777
Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán chi tiết	6.800.000.000	6.800.000.000
Thẩm tra, thẩm định và phê duyệt	974.070.576	974.070.576
Chi phí mời thầu và dự thầu	445.177.272	445.177.272
Thi công xây dựng	95.175.097.732	-
Lắp đặt thiết bị và chạy thử	33.332.509.091	-
Chi phí lãi vay được vốn hóa	2.632.051.274	-
Chi phí khác	869.967.457	175.267.060
Cộng	161.395.322.416	23.371.506.654

Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Dự án và quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ Dự án đã được thế chấp theo hợp đồng số 68/2017/HĐCVĐATL/NHCT144-NCS ngày 13 tháng 6 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh như trình bày tại Thuyết minh số 4.12 "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn".



CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả bên liên quan	502.549.609	443.963.237
Công ty Cổ phần DV Hàng không Sân bay Nội Bài	502.549.609	443.963.237
Phải trả người bán bên thứ ba	36.926.937.764	25.511.316.695
Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp	3.186.280.840	2.663.806.900
Công ty TNHH Hoàng Lộc	3.546.168.060	2.861.208.216
Công ty TNHH Thiên Sơn	3.294.931.750	2.997.907.170
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	5.829.132.100	
Các nhà cung cấp khác	21.070.425.014	16.988.394.409
Cộng	37.429.487.373	25.955.279.932

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.10 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 31/12/2017 VND	
	Số dư		Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT được khấu trừ	332.363.302		37.402.768.833	32.318.359.793	5.416.772.342	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	22.083.152.546	22.083.152.546	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.388.100.684	17.895.798.580	22.055.903.670	-	7.548.205.774
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.429.693.370	2.762.230.569	2.555.862.960	-	1.223.325.761
Các loại thuế khác	-	-	906.303.179	906.303.179	-	-
Cộng	-	4.817.794.054	43.647.484.874	47.601.222.355	-	8.771.531.535



CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh

huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.617.563.503	10.447.688.203
Quỹ thưởng Ban Điều hành Công ty	300.000.000	250.000.000
Cộng	12.917.563.503	10.697.688.203

Trong kỳ, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 8.309.466.630 VND và quỹ thưởng Ban Điều hành công ty 300.000.000 VND.

4.12 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh	-	134.621.949.686	-	134.621.949.686
Cộng	-	134.621.949.686	-	134.621.949.686

Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVĐATL/NHCT144-NCS ngày 13 tháng 6 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Anh với hạn mức 330.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 120 tháng.

Lãi suất của hợp đồng:

- Lãi suất 7,5%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Sau 12 tháng lãi suất được áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 1,8%/năm;
- Lãi vay được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ thanh toán lãi đầu tiên là ngày 25/9/2017.

Tài sản thế chấp

- Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư theo hợp đồng thế chấp số 27/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12 tháng 6 năm 2017 với giá trị tạm tính 261.640.751.959 VND;
- Quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ Dự án đầu tư "Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài – Giai đoạn I" theo hợp đồng thế chấp số 28/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12 tháng 6 năm 2017 với giá trị tạm tính là 477.349.160.000 VND.

Thời gian ân hạn gốc của khoản vay được xác định là 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

Trong vòng năm (05) ngày làm việc sau "ngày cuối cùng của Thời gian Ân hạn", Bên cho vay sẽ lập và thông báo lịch trả nợ gốc xác định số dư nợ gốc phải thanh toán từng kỳ. Nợ gốc sẽ được thanh toán trong ba mươi hai (32) kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.13 Vốn chủ sở hữu****4.13.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	79.999.750.000	(8.880.000)	47.029.089.164	127.019.959.164
Góp vốn	39.803.590.000	-	-	39.803.590.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	84.655.601.776	84.655.601.776
Thuế TNDN phải nộp	-	-	(17.023.922.355)	(17.023.922.355)
Trả cổ tức năm 2015	-	-	(38.576.638.800)	(38.576.638.800)
Tạm chia cổ tức 2016	-	-	(23.997.261.000)	(23.997.261.000)
Thưởng ban điều hành 2016	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2016	-	-	(6.763.167.942)	(6.763.167.942)
Điều chỉnh tiền thưởng BĐH 2015	-	-	5.000.000	5.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	(319.078.050)	(319.078.050)
Điều chỉnh thưởng hoàn thành kế hoạch 2015	-	-	(161.761.167)	(161.761.167)
Tại ngày 31/12/2016	119.803.340.000	(8.880.000)	44.597.861.626	164.392.321.626
Tại ngày 01/01/2017	119.803.340.000	(8.880.000)	44.597.861.626	164.392.321.626
Góp vốn (i)	59.687.640.000	-	-	59.687.640.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	105.150.569.968	105.150.569.968
Thuế TNDN phải nộp	-	-	(22.055.903.670)	(22.055.903.670)
Trích thưởng ban điều hành 2016 (ii)	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Chia cổ tức năm 2016 (ii)	-	-	(35.938.338.000)	(35.938.338.000)
Chia cổ tức lần 1 năm 2017 (iii)	-	-	(23.958.892.000)	(23.958.892.000)
Tạm trích quỹ thưởng ban điều hành 2017 (iv)	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2017 (iv)	-	-	(8.309.466.630)	(8.309.466.630)
Tại ngày 31/12/2017	179.490.980.000	(8.880.000)	59.145.831.294	238.627.931.294

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.13.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)

(i) Trong tháng 10/2017, Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng vốn trong kỳ theo kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2017 thông qua phương án phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ dự kiến thêm 59.897.230.000 VND;
- Nghị quyết số 18/NQ-NCS-HĐQT ngày 11/10/2017 của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài thông qua kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày kết thúc đợt chào bán là ngày 10/10/2017;
- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 25/BC-NCS ngày 17/10/2017 của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Công văn số 7298/UBCK-QLCB ngày 27/10/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc đã nhận tài liệu Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài và thông tin số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 5.968.764 cổ phiếu.

Theo đó, tổng số tiền thu từ các cổ đông hiện hữu là 59.687.640.000 VND. Mục đích của việc phát hành cổ phiếu này để đầu tư vào gói thầu "Thiết bị rửa" và "Thiết bị bếp" của giai đoạn 1 dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài". Đến ngày 31/12/2017 Công ty chưa thanh toán hết cho các nhà thầu do chưa đến hạn hợp đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2017, Công ty thực hiện thanh toán phần cổ tức năm 2016 còn lại cho các cổ đông với số tiền 35.938.338.000 VND và thực hiện điều chỉnh thưởng ban điều hành năm 2016 với số tiền 40.000.000 VND.

(iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/NQ-NCS-HĐQT ngày 30/8/2017, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2017 theo tỷ lệ 20%/cổ phiếu tương ứng 23.958.892.000 VND (01 cổ phiếu nhận được 2.000 VND). Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành việc chia cổ tức cho các Cổ đông.

(iv) Trong kỳ, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành dựa theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
 huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****4.13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN		Số vốn đã góp			
			Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	1.000 VND	%	1.000 VND	%	1.000 VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	72.004.050	60,10	108.006.070	60,17	72.004.050	60,10
Công ty TNHH MTV DV HK SB Tân Sơn Nhất	12.000.670	10,02	18.001.000	10,03	12.000.670	10,02
Công ty TNHH MTV Suất ăn HK Việt Nam	2.040.100	1,70	3.060.150	1,70	2.040.100	1,70
Các cổ đông khác	33.758.520	28,18	50.414.880	28,09	33.749.640	28,17
Cổ phiếu quỹ	-	-	8.880	0,01	8.880	0,01
Cộng	119.803.340	100	179.490.980	100	119.803.340	100

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với số vốn góp mới của các cổ đông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.13.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.970.057	11.999.518
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.949.098	11.980.334
- Cổ phiếu phổ thông	17.949.098	11.980.334
Số lượng cổ phiếu được mua lại	888	888
- Cổ phiếu phổ thông	888	888
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.948.210	11.979.446
- Cổ phiếu phổ thông	17.948.210	11.979.446
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.13.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.094.666.298	67.631.679.421
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(8.649.466.630)	(7.327.245.992)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	16.221.232	14.863.882
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	4.589	4.057

Ghi chú: Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4.14 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	4.849,40	2.486,47

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp suất ăn	488.808.903.758	421.329.916.491
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.385.458.145	122.710.482.641
Doanh thu khác	1.958.181.822	1.952.727.276
Cộng	630.152.543.725	545.993.126.408

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chiết khấu thương mại	15.867.734.373	13.011.741.049
Cộng	15.867.734.373	13.011.741.049

5.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	393.917.774.511	365.004.511.780
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85.618.324.037	60.848.559.367
Cộng	479.536.098.548	425.853.071.147

5.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	932.159.819	1.686.360.838
Lãi chênh lệch tỷ giá	710.277.481	1.165.257.461
Doanh thu tài chính khác	3.824.147	-
Cộng	1.646.261.447	2.851.618.299

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí in các ấn phẩm quảng cáo	100.000.000	3.000.000
Chi phí chăm sóc khách hàng, chế thử, chào hàng	5.375.979.153	4.677.315.489
Phí nhượng quyền khai thác	1.764.225.000	1.423.900.000
Cộng	7.240.204.153	6.104.215.489



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.849.123.844	8.829.977.284
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	58.717.452	485.577.584
Chi phí khấu hao tài sản	5.177.057.510	2.857.700.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.094.663	236.044.209
Chi phí khác bằng tiền	8.245.273.755	6.974.796.573
<i>Trong đó:</i>		
- Chi trang phục	460.248.179	458.625.454
- Chi công tác phí	1.213.274.682	1.564.032.164
- Chi phí tiếp khách, hội họp	2.618.198.823	2.181.831.684
- Chi phí bằng tiền khác	3.953.552.071	2.770.307.271
Cộng	23.532.267.224	19.384.096.574

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	105.150.569.968	84.655.601.776
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	3.893.384.302	464.010.000
Các khoản chênh lệch vĩnh viễn	3.893.384.302	464.010.000
Chi phí không được trừ	3.893.384.302	464.010.000
Lợi nhuận sau điều chỉnh	109.043.954.270	85.119.611.776
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	109.043.954.270	85.119.611.776
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	21.808.790.854	17.023.922.355
Thuế TNDN kỳ trước bị truy thu	247.112.816	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	22.055.903.670	17.023.922.355
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	3.388.100.684	6.450.320.388
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(17.895.798.580)	(20.086.142.059)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	7.548.205.774	3.388.100.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)****5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	125.881.459.628	113.128.679.555
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.918.918.673	247.621.007.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.788.062.417	9.974.882.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.445.825.465	36.553.196.016
Chi phí khác bằng tiền	53.594.636.318	44.335.526.905
Cộng	510.628.902.501	451.613.292.343

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Công cụ tài chính****6.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.799.342.379	92.008.370.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.384.345.927	56.383.721.665
Cộng	150.183.688.306	148.392.092.464
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	134.621.949.686	-
Phải trả người bán và phải trả khác	37.951.932.110	26.065.226.734
Chi phí phải trả	211.439.589	480.803.162
Cộng	172.785.321.385	26.546.029.896

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ. Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Tài sản tài chính	USD		
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	4.849,40	2.486,47
Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	1.220.048,80	1.103.522,07
Nợ phải trả tài chính	USD	-	-
Tài sản tài chính thuần	USD	1.224.898,20	1.106.008,54

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu các rủi ro về thay đổi tỷ giá đối với loại ngoại tệ USD. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 1% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Tăng/(giảm) tỷ giá (%)	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
USD	1%	277.561.932	251.285.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không có rủi ro lãi suất trong ngắn hạn do các khoản tiền gửi, và các khoản nợ vay đang được áp dụng lãi suất cố định.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không nắm giữ các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, do đó Công ty không bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Tại ngày 31/12/2017			Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	-	-	134.621.949.686	134.621.949.686
Phải trả người bán và phải trả khác	37.951.932.110	-	-	37.951.932.110
Chi phí phải trả	211.439.589	-	-	211.439.589
Cộng	38.163.371.699	-	134.621.949.686	172.785.321.385

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀISân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh
huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**6.1 Công cụ tài chính (tiếp)****6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

	Tại ngày 01/01/2017			Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	26.065.226.734	-	-	26.065.226.734
Chi phí phải trả	480.803.162	-	-	480.803.162
Cộng	26.546.029.896	-	-	26.546.029.896

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam CTCP – Công ty mẹ (VNA) và các công ty trong cùng VNA, các cổ đông, các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	346.686.461.528	322.809.234.410
<i>Trong đó chiết khấu</i>	<i>(11.801.426.832)</i>	<i>(11.199.860.503)</i>
Chi nhánh Công ty CP HK Jetstar Pacific Airlines	4.046.609.173	3.620.154.772
<i>Trong đó chiết khấu</i>	-	<i>(121.423.519)</i>
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	1.229.000.000	1.198.250.000
Công ty Bay Dịch vụ Hàng không - VASCO	2.562.879.800	2.022.913.370
Cộng	342.723.523.669	318.329.268.530

Mua hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	-	2.857.257.204
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	67.530.467	39.544.025
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	-	848.636.910
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	2.291.462.148	1.676.443.946
Cộng	2.358.992.615	5.421.882.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Giao dịch khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	25.242.550	39.544.025
Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	3.066.612.539	4.211.908.210
Cộng	3.091.855.089	4.251.452.235

Chia cổ tức, chi trả cổ tức và tặng vốn

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.13.1 "Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu".

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.506.026.685	2.034.724.442
Thù lao của HĐQT, BKS	507.606.667	604.800.000
Cộng	2.013.633.352	2.639.524.442

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.2 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.9 "Phải trả người bán ngắn hạn".

6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của kỳ trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của kỳ này.



Trần Thanh Sơn
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Võ Đức Hiếu
Kế toán trưởng

Vũ Thị Thu Hà
Người lập